

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, hủy Quyết định cá biệt*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Minh T2, sinh năm 1975; cùng nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (cùng có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Phi C1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: C T, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt);

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên; do ông Nguyễn Ngọc T3; chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện P đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1944; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng Lê Văn L bà Phạm Thị C và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thống nhất trình bày:

Thửa đất hiện tại nguyên đơn sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 723, tờ bản đồ 325C, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có nguồn gốc từ ông bà, cha mẹ nguyên đơn tạo lập; có giới cận giáp ranh với đất của bị đơn ông Nguyễn Trọng T1. Trước đây nguyên đơn và bị đơn thống nhất ranh giới đất là đường thẳng kéo dài 23,02m theo tờ bản đồ năm 1993 cắt giữa trung tâm giếng nước. Giếng nước có nguồn gốc từ thời cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn sử dụng chung. Năm 1993 cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định tứ cận thửa đất: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp đất ông Đào Tấn Q; Nam giáp đất bà Phan Thị P; Bắc giáp đất ông Nguyễn T4 (là cha của bị đơn ông T1). Nay nguyên đơn xây dựng lại nhà và xây lại tường rào ranh giới đất với bị đơn thì gia đình bị đơn ngăn cản. Nguyên đơn cho rằng bị đơn xác định ranh giới đất không đúng và không căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 1993, nên các bên không thống nhất ranh giới. Quá trình bị đơn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn cũng không biết, do thời gian quá lâu nên cũng không nhớ có ký vào biên bản xác định giáp ranh giữa các thửa đất hay không. Bị đơn đã sử dụng đất xâm phạm ranh giới sang đất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao lại diện tích đất chồng lấn nhưng bị đơn không đồng ý. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa xác định lại ranh giới đất giữa bị đơn và nguyên đơn; buộc bị đơn phải giao lại diện tích bị đơn đã sử dụng thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn đối với thửa đất tiếp giáp với nhà, đất của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tháo dỡ mái ngói nhà nguyên đơn thì nguyên đơn không đồng ý, vì mái ngói nhà nguyên đơn thuộc phạm vi đất của nguyên đơn.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Trọng T1 thống nhất trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Bị đơn có ý kiến như sau:

Thứ nhất: Ranh giới xác định quyền sử dụng đất xác lập giữa hai nhà là đường thẳng theo vách tường nhà cấp 4 của ông L đang sử dụng từ trước đến nay, bức tường này là nhà ông L xây.

Thứ hai: Vợ chồng ông L cho rằng vợ chồng bị đơn lấn chiếm ranh giới là không có căn cứ vì:

- Theo ranh giới xác lập như hiện nay vợ chồng bị đơn chấp nhận lịch sử quá trình sử dụng đã tồn tại;

- Vợ chồng bị đơn không có bất kỳ hành vi xâm dịch mốc giới để lấn chiếm đất;

- Việc vợ chồng ông L xây dựng nhà và tường rào chạy dọc theo bức tường nhà cũ bị đơn cũng không có hành vi ngăn cản;

- Nguyên đơn không chứng minh được bị đơn đã có hành vi lấn chiếm đất;

- Đối với giếng nước hiện tại hai nhà đang sử dụng chung, nằm hoàn toàn trên diện tích đất của bị đơn. Bị đơn tôn trọng ý chí của cha bị đơn trước khi chết có nói để cho ông L sử dụng giếng chung vì giếng nước này là của chung từ thời ông bà để lại, nên cũng không ngăn cản nhà ông L sử dụng giếng nước.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn năm 2003, bị đơn không chấp nhận vì diện tích đất này cha mẹ của bị đơn cho bị đơn. Khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận bị đơn đã làm đầy đủ, khi làm hồ sơ cán bộ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn đưa cho ông L ký biên bản xác định ranh giới, nên yêu cầu khởi kiện của ông L là không có căn cứ.

Ngoài những nội dung trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn vợ chồng ông T1 còn có yêu cầu phản tố, yêu cầu vợ chồng ông L phải tháo dỡ mái ngói nhà ông L đưa ra trên không gian sang phần đất của vợ chồng bị đơn có kích thước 0,6m x 8m=4,8m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Nguồn gốc đất của vợ chồng bị đơn sử dụng là do vợ chồng của bà L1 đã làm giấy tặng cho, đất này trước đây là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà L1. Vợ chồng ông T1 đã sử dụng đúng diện tích như vợ chồng bà L1 đã tặng cho và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng cũng không lấn chiếm đất của ai. Do đó, nay nguyên đơn khởi kiện, bà L1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện P trình bày: Ông Nguyễn Ngọc T3 có văn bản xin vắng mặt, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H, huyện P trình bày: UBND xã H chỉ cung cấp chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về nội dung giải quyết vụ án.

Nội dung vụ án như trên, **Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:**

Áp dụng Điều 26, 34, 147, 156, 157, 164 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 174, 175, 176 của bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ gia đình ông Lê Văn L và đất của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1; buộc bị đơn vợ chồng ông T1 phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm đến ranh giới đất của hộ gia đình ông Lê Văn L và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông T1 giáp với thửa đất số 723 của nguyên đơn.

- Công nhận ranh giới thửa đất số 723, tờ bản đồ 325C, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P cho hộ gia đình ông Lê Văn L và thửa đất số 724¹, tờ bản đồ 325C, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1 là đường ranh giới được xác lập từ các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P (Kèm theo);

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1, thửa số 724¹, tờ bản đồ 325C, vào sổ cấp GCNQSD số 00099/QSDĐ, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp cho hộ gia đình ông Lê Văn L, thửa số 723, tờ bản đồ 325C, vào sổ cấp GCNQSD số 00053/QSDĐ, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn vợ chồng ông L, bị đơn vợ chồng ông T1 được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc bị đơn vợ chồng ông T1 phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của nguyên đơn căn cứ vào đường ranh giới đất giữa hai thửa đất số 723 và thửa số 724¹ xác lập tại các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Trọng T1, bà Trần Thị Minh T2 về yêu cầu nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn L, bà Phạm Thị C tháo dỡ mái ngói nhà cấp 4, tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của bị đơn.

- Buộc nguyên đơn vợ chồng ông L phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của bị đơn căn cứ vào đường ranh giới đất

giữa hai thửa đất 723 và thửa 724¹ xác lập tại các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 20/4/2023, bị đơn – ông Nguyễn Trọng T1 (Bị đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, để xác định lại lịch sử sử dụng giữa hai thửa đất liền kề và ai lấn chiếm đất của ai.

Tại phiên tòa: Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T1 (Bị đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, để xác định lại lịch sử sử dụng giữa hai thửa đất liền kề và ai lấn chiếm đất của ai thì thấy:

[1.1]. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện P cấp ngày 18/4/2003 cho hộ ông Lê Văn L và hộ ông Nguyễn Trọng T1 thể hiện:

Hộ gia đình ông L được cấp thửa đất 723, tờ bản đồ 325C, diện tích 305m², loại đất thổ cư, trong đó 200m² là đất sử dụng lâu dài, tứ cận Đông giáp đường đi, Tây giáp đất ông Đào Tấn Q thửa 325, Nam giáp đất ông Đặng Ngọc C2 thửa 807, Bắc giáp đất ông Nguyễn Tăng t 724.

Hộ gia đình ông T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thửa 724¹, diện tích 265m², loại đất thổ cư, trong đó 200m² là đất sử dụng lâu dài (nguồn gốc cụ Nguyễn T4 là cha của ông T1, đã tặng cho hộ gia đình ông T1 một phần diện tích, ông T1 đã làm thủ tục tách thửa, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

[1.2]. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2022 thì vị trí tranh chấp là vùng giáp ranh giữa thửa đất số 723 đứng tên người sử dụng hộ ông Lê Văn L và thửa đất số 724¹ đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1, cả hai thửa đất thuộc tờ bản đồ 325C, tại thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trên thửa đất hộ ông T1 có nhà cấp 4 xây dựng năm 1972 (*có khắc số năm xây dựng trên tường nhà*), nguồn gốc là của cha mẹ ông T1 xây dựng, ông T1 được cha mẹ cho ở đến nay và xây dựng thêm một gian nhà nối tiếp, giáp với nhà của ông L, cách vách nhà ông L 40cm; trên thửa đất hộ ông L có nhà cấp 4, ông L không nhớ xây dựng nhưng chỉ biết được xây dựng trước năm 1975, vợ chồng ông thừa kế cha mẹ để lại sử dụng ở đến nay.

Giữa nhà ông L và nhà ông T1 có khoảng trống 40cm dọc theo tường nhà hai bên, mái ngói nhà ông T1 chồng lên mái ngói nhà ông L, khoảng cách độ cao chồng lẫn 40cm; mái ngói nhà ông L phía trên phần đất ông T1 đang sử dụng có chiều dài là 7,8m, rộng 50cm.

Trên phần đất ông T1 đang sử dụng có giếng nước, hiện tại cả hộ gia đình ông L và ông T1 đều sử dụng chung và cùng thừa nhận giếng nước có nguồn gốc sử dụng chung từ thời cha mẹ của hai ông, không tranh chấp.

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn sử dụng đất có sự chồng lấn, các bên không thống nhất về ranh giới, ranh giới đất giữa các đương sự chưa được xác định, nên nguyên đơn yêu cầu xác định ranh giới đất là có cơ sở.

[1.3]. Hiện trạng thực tế sử dụng đất: Căn cứ kết quả đo vẽ ngày 27/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P, thửa đất của ông T1 và thửa ông L theo bản đồ địa chính xã H, chỉnh lý bản đồ số 11-2022 thì thửa đất của ông T1 và đất ông T4 (cha ông T1) nay là thửa 280, thuộc tờ bản đồ 16, đo đạc thực tế là 455,7m²; thửa đất ông L nay là thửa 284, thuộc tờ bản đồ 16, đo đạc thực tế là 319,7m².

Như vậy, thực trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông L tăng 14,7m² (319,7m²-305m²) so với diện tích đất được cấp; thực trạng sử dụng đất của hộ gia đình T1 và mẹ của ông T1 sử dụng diện tích đất là 455,7m², tăng 455,7m²- 445m² = 10,7m² so với diện tích được cấp, nên không có căn cứ để xác định hộ gia đình ông L hay hộ gia đình ông T1 đã sử dụng đất vi phạm ranh giới đất với nhau nên; Căn cứ vào biên bản đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P: Thì vị trí tọa độ (4) là mốc giới phía sau nhà của các đương sự, vị trí này các đương sự đã thống nhất; vị trí tọa độ (21) là điểm tiếp giáp nhà ông T1 và máng nước nhà ông L chiếu theo phương thẳng đứng; vị trí tọa độ (17) là mốc giới trụ bê tông theo hiện trạng sử dụng đất, các vị trí tọa độ (21) (17) các đương sự chưa thống nhất nên Bản án sơ thẩm đã căn cứ kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, diện tích được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất, kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, xác định ranh giới đất giữa hộ gia đình ông L và đất hộ gia đình ông T1 theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên, ranh giới đất xác định theo các vị trí tọa độ (4), (21) (17) là có căn cứ.

[2]. Do xác định lại ranh giới sử dụng đất, nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn buộc Nguyên đơn phải tháo dỡ một phần mái ngói và tài sản khác nằm trên đất của Bị đơn theo ranh giới đất được xác lập từ các vị trí tọa độ (4), (21) (17) và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Nguyên đơn và Bị đơn để điều chỉnh lại ranh giới đã được xác định là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác nên kháng cáo của Bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

[4]. Các Quyết định về: Chi phí đo vẽ, chi phí thẩm định, định giá tài sản; Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án; chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Trọng T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án tỉnh Phú Yên.

Áp dụng: Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 174, 175, 176 của bộ luật dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ gia đình ông Lê Văn L và đất của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1; buộc bị đơn vợ chồng ông T1 phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm đến ranh giới đất của hộ gia đình ông Lê Văn L và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông T1 giáp với thửa đất số 723 của nguyên đơn.

- Công nhận ranh giới thửa đất số 723, tờ bản đồ 325C, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P cho hộ gia đình ông Lê Văn L và thửa đất số 724¹, tờ bản đồ 325C, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1 là đường ranh giới được xác lập từ các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P (Kèm theo Bản án sơ thẩm);

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Trọng T1, thửa số 724¹, tờ bản đồ 325C, vào sổ cấp GCNQSD số 00099/QSDĐ, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cấp cho hộ gia đình ông Lê Văn L, thửa số 723, tờ bản đồ 325C, vào sổ cấp GCNQSD số 00053/QSDĐ, cấp ngày 18/4/2003, tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn vợ chồng ông L, bị đơn vợ chồng ông T1 được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc bị đơn vợ chồng ông T1 phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của nguyên đơn căn cứ vào đường ranh giới đất giữa hai thửa đất số 723 và thửa số 724¹ xác lập tại các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P (Kèm theo Bản án sơ thẩm).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Trọng T1, bà Trần Thị Minh T2 về yêu cầu nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn L, bà Phạm Thị C tháo dỡ mái ngói nhà cấp 4, tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của bị đơn.

- Buộc nguyên đơn vợ chồng ông L phải tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc xâm phạm ranh giới đất đối với thửa đất của bị đơn căn cứ vào đường ranh giới đất giữa hai thửa đất 723 và thửa 724¹ xác lập tại các vị trí tọa độ (4), (21), (17), theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P (Kèm theo Bản án sơ thẩm).

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000353 ngày 08/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

4. Các Quyết định về: Án phí sơ thẩm; Chi phí tố tụng khác và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ GDKT III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND tỉnh Phú Yên
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến